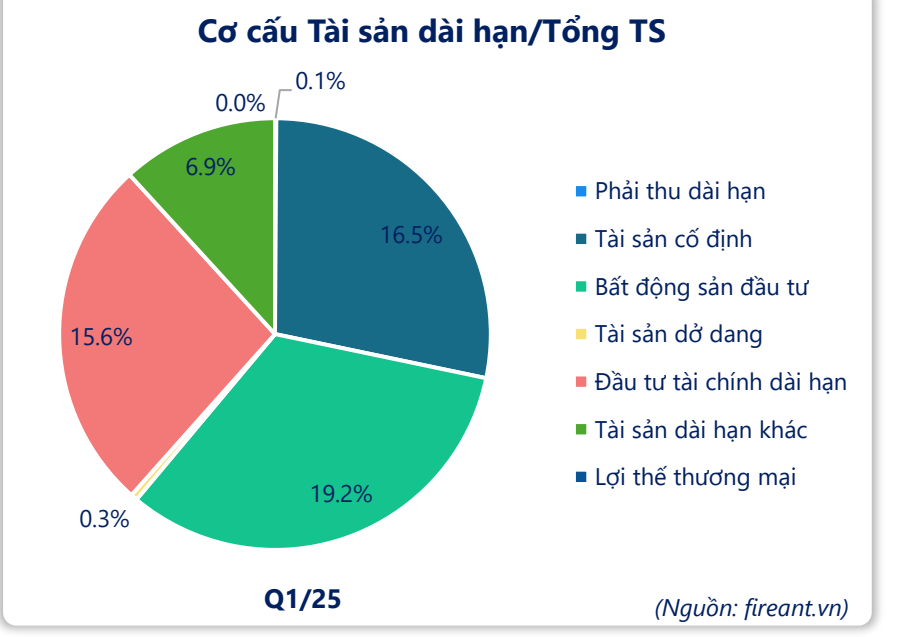
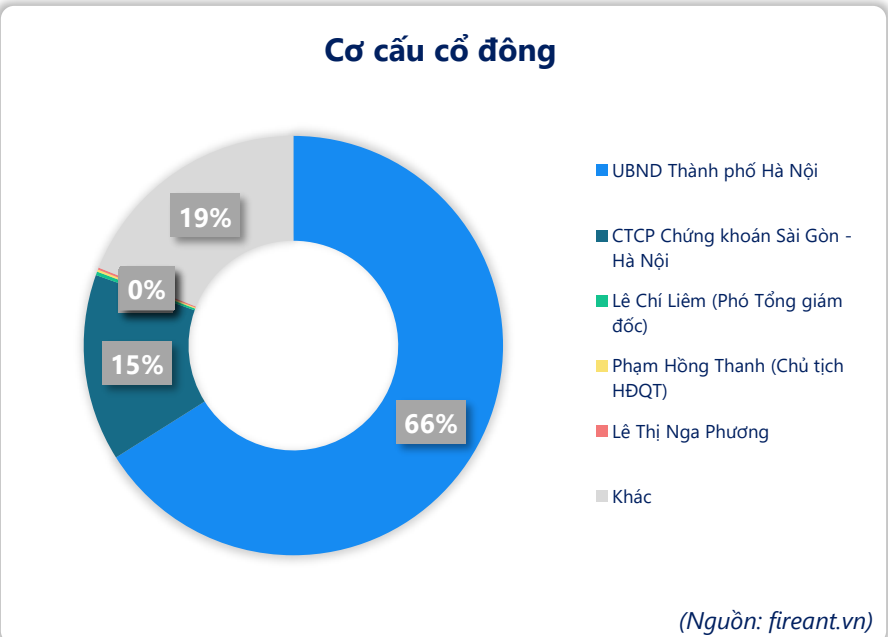
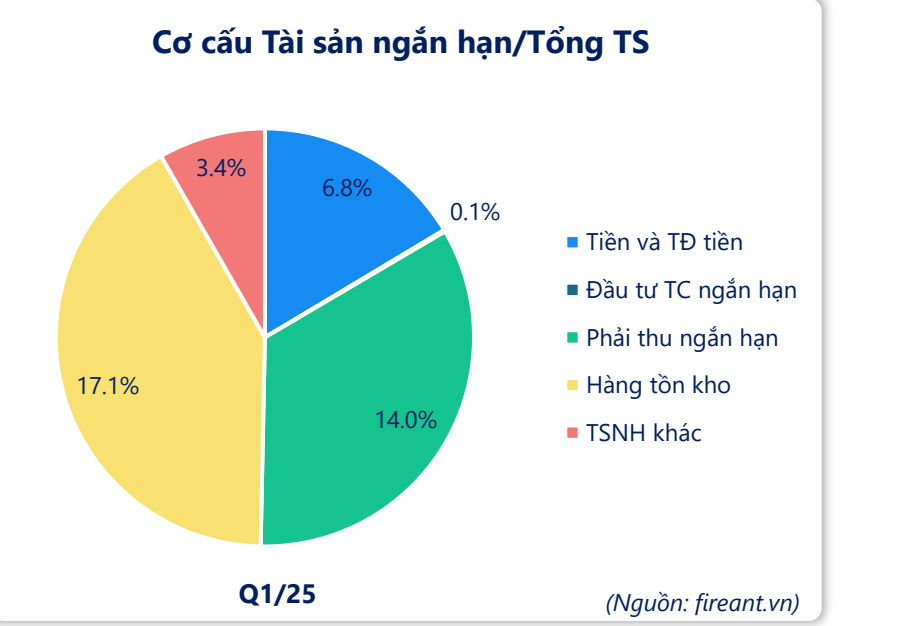
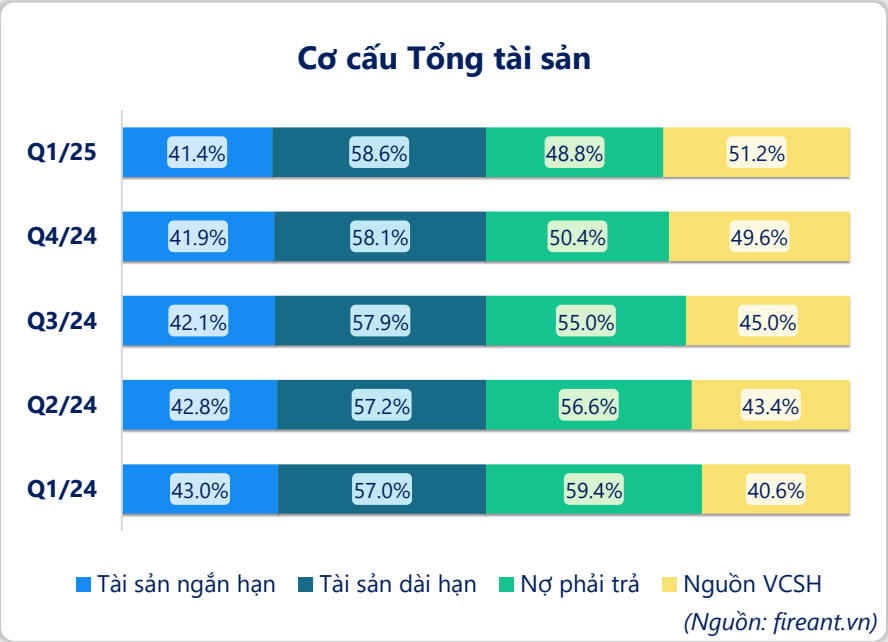
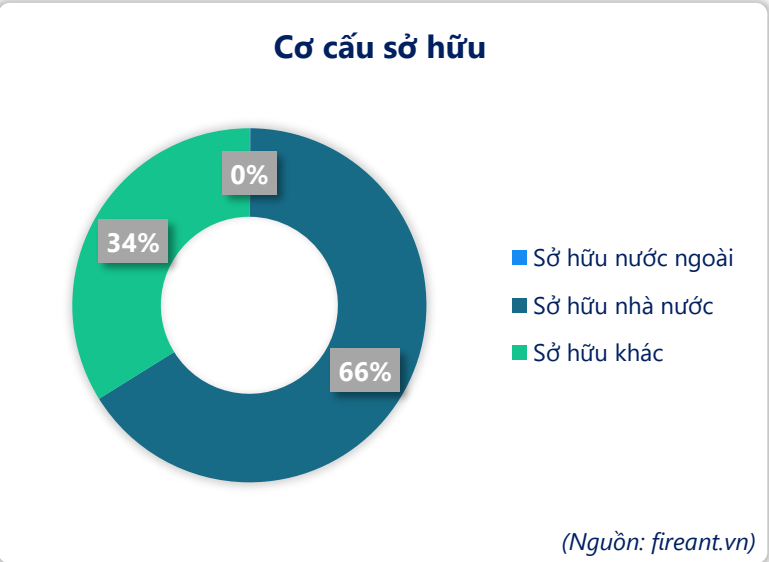
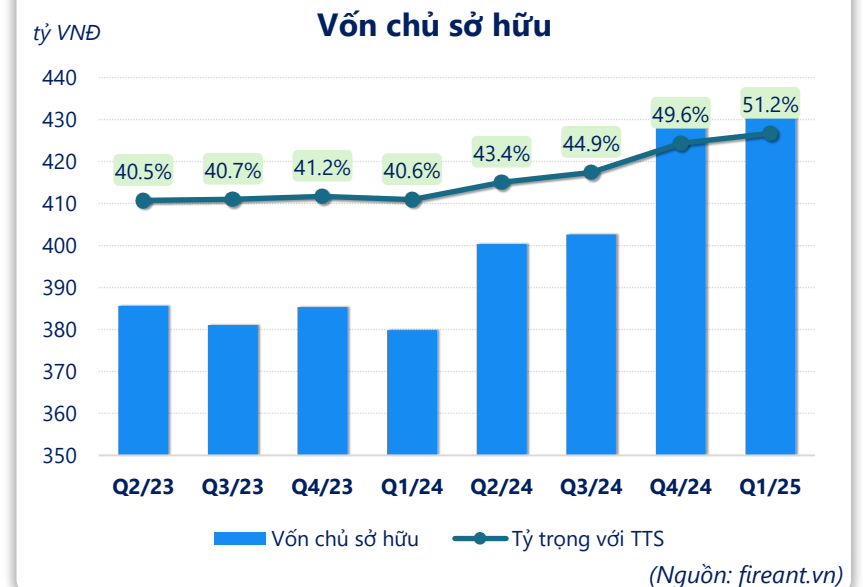
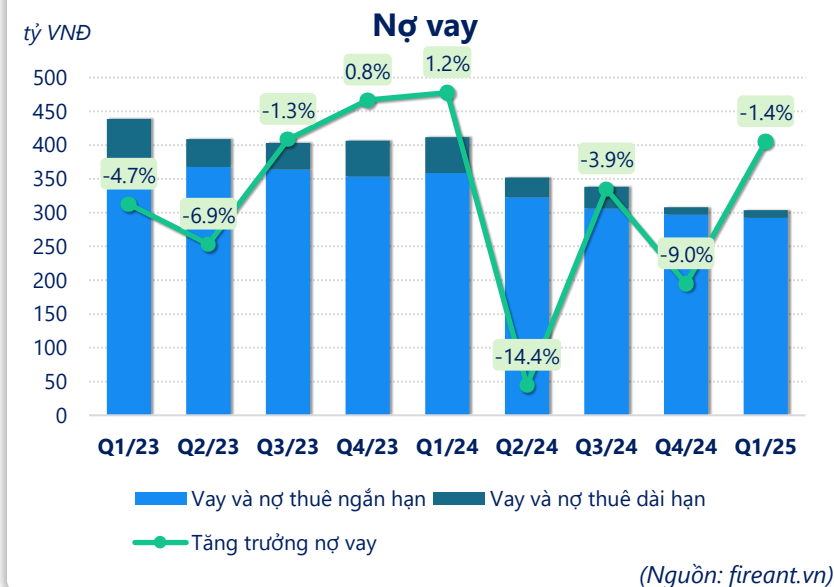
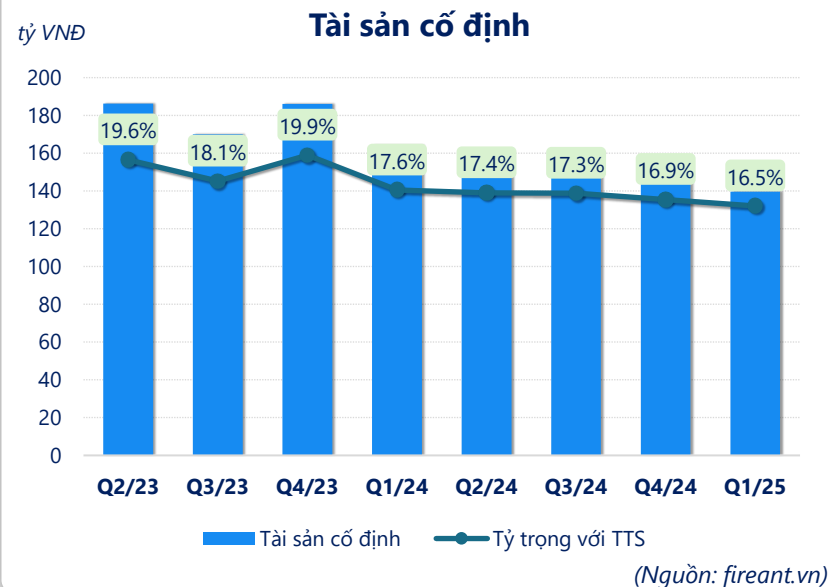
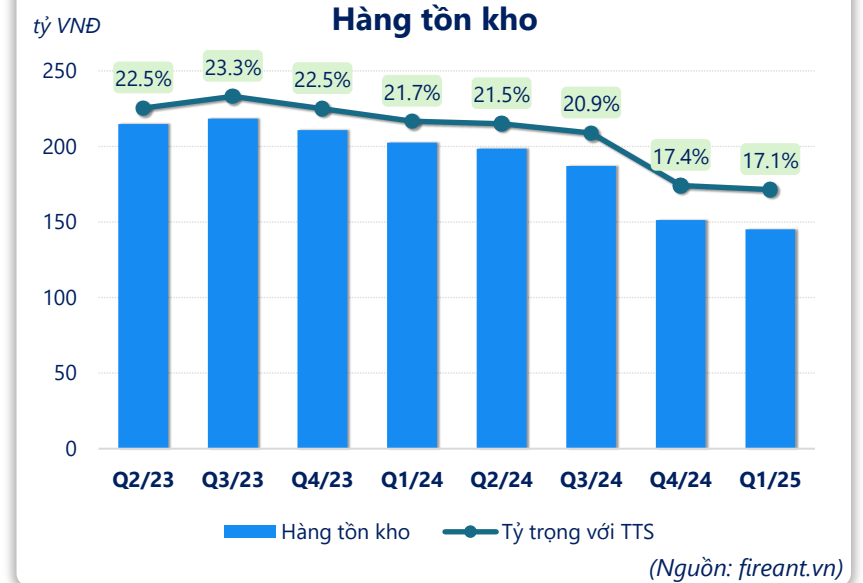
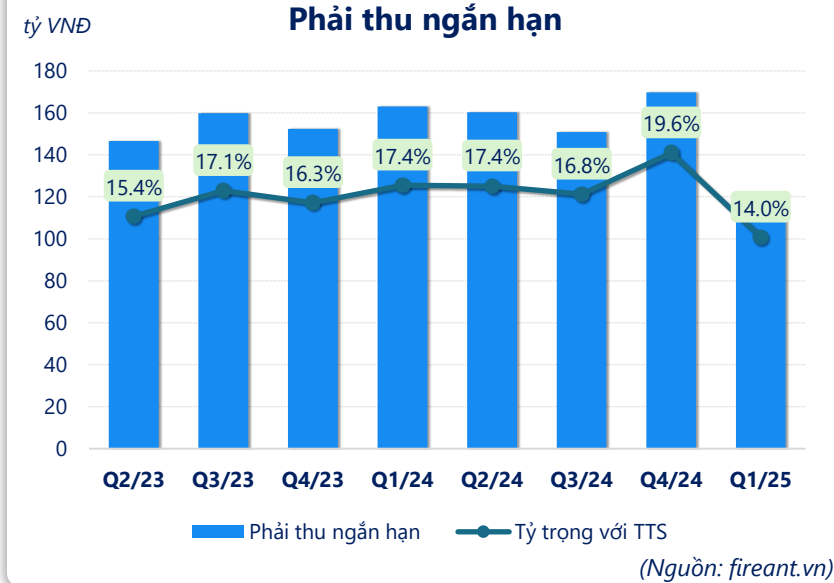
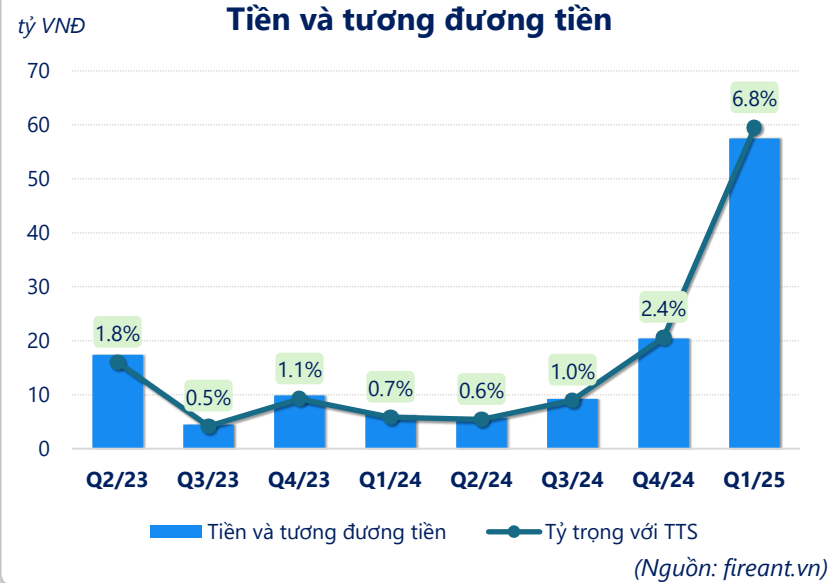
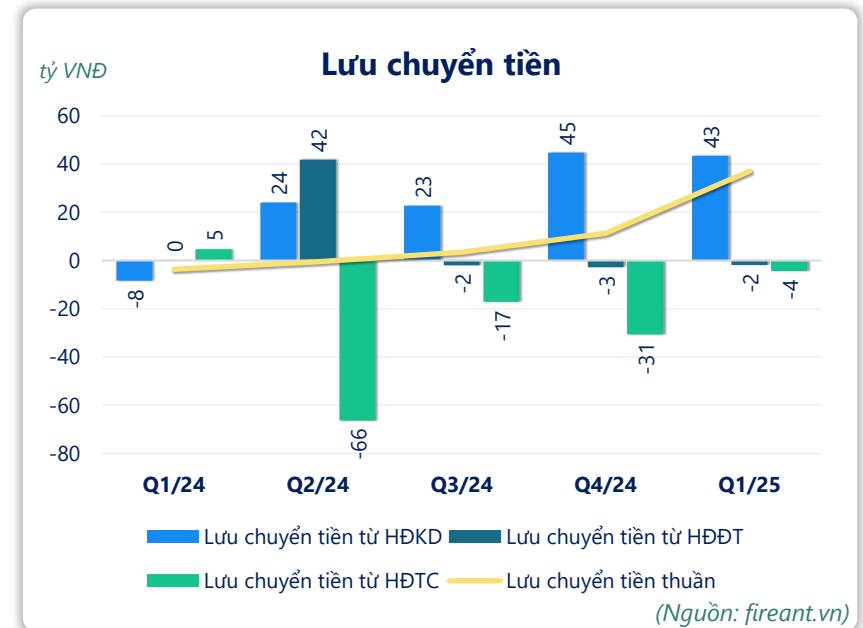
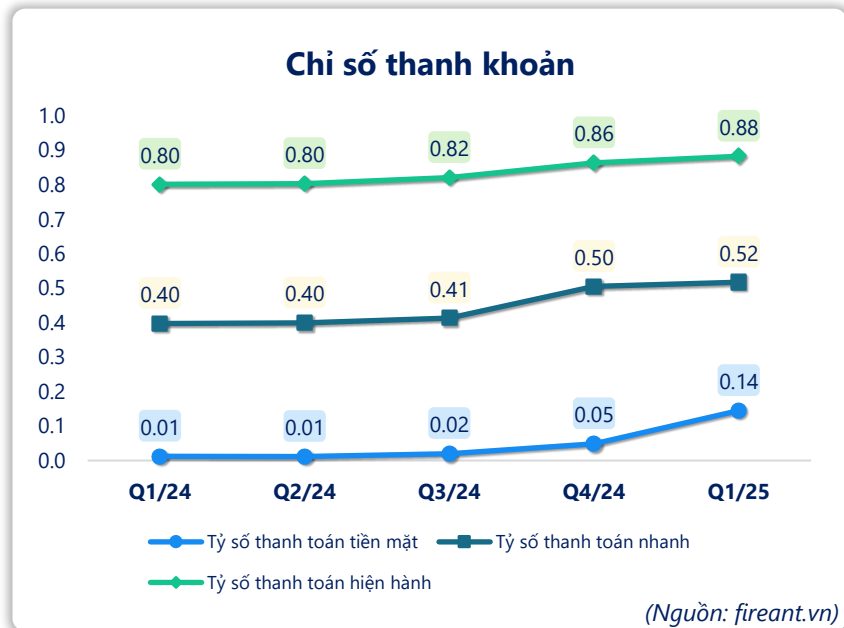
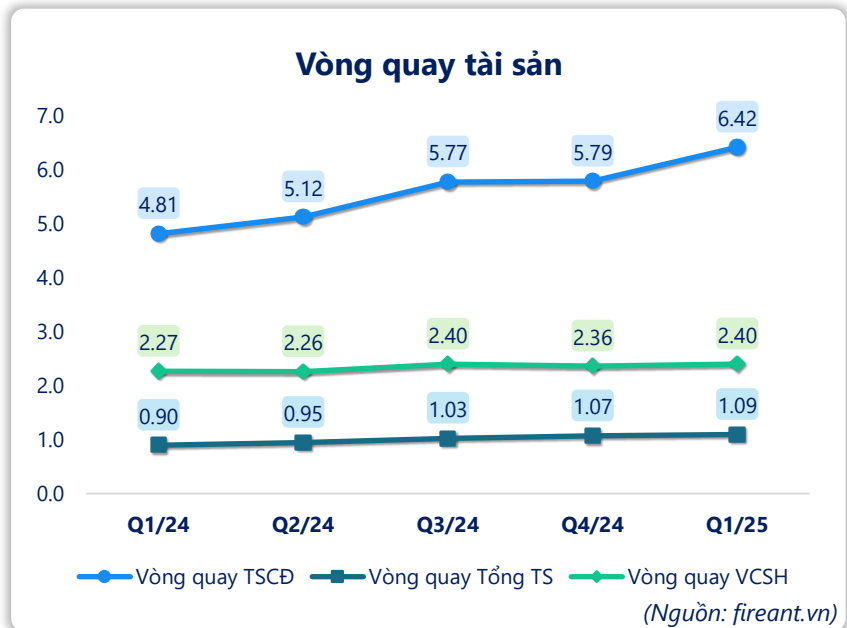
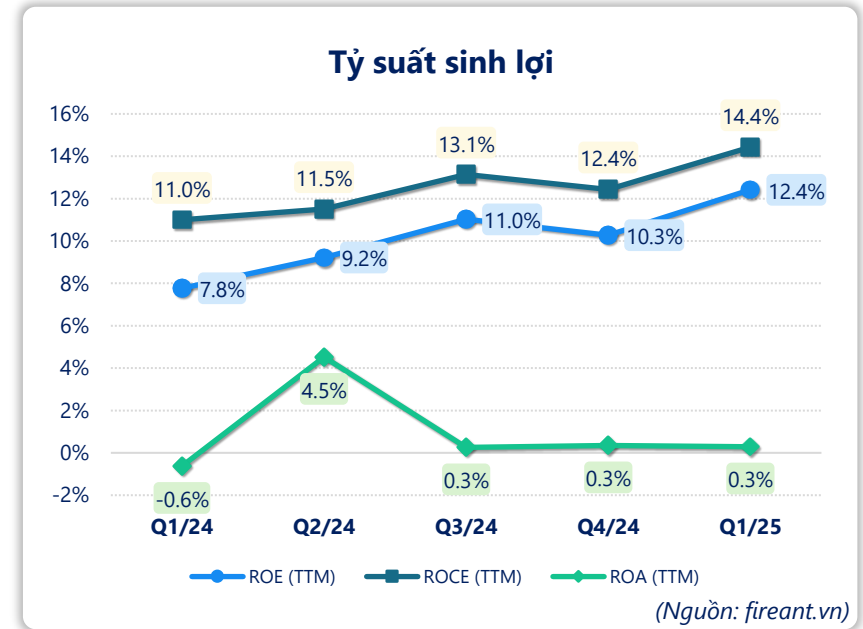
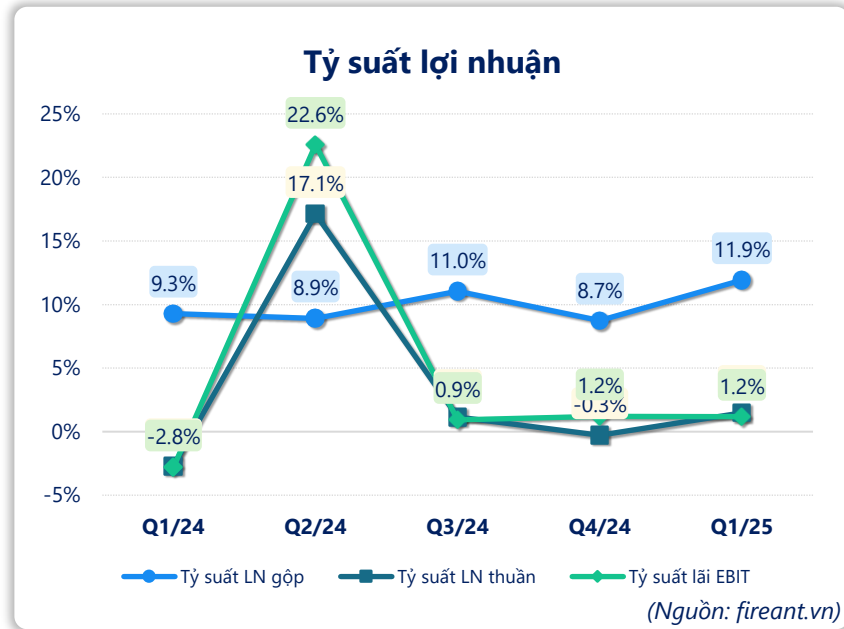
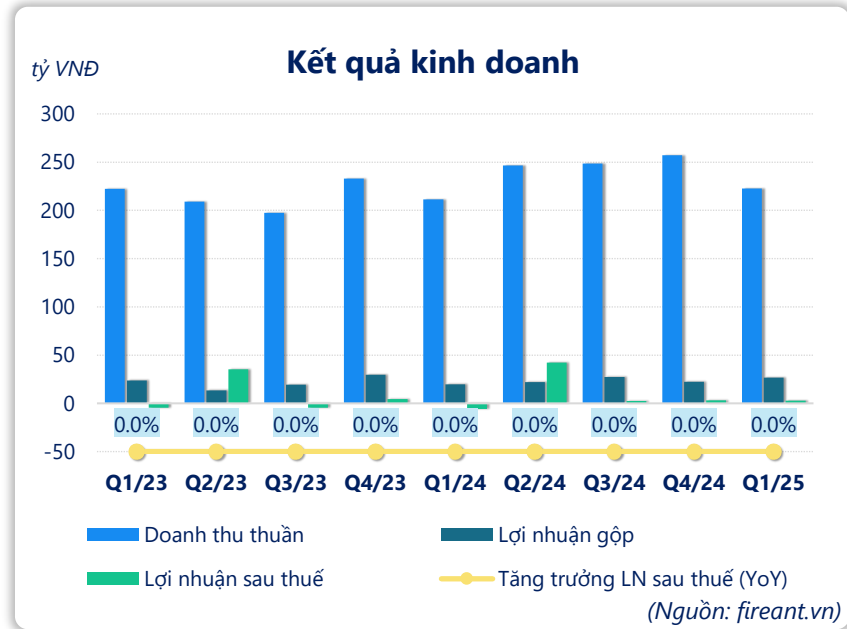


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		21,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,364
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,000
SL cổ phiếu LH		19,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		20
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		413
P/E		8.2
EPS		2,628

	YTD	1T	3T	6T
KTL	25.7%	14.4%	6.4%	2.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	846	868	-2.5%
Tài sản ngắn hạn	350	363	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	57.5	20.4	181%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.46	0.46	0.0%
Phải thu ngắn hạn	118	170	-30.3%
Hàng tồn kho	145	151	-4.1%
Tài sản ngắn hạn khác	29.0	21.2	37.0%
Tài sản dài hạn	496	505	-1.8%
Phải thu dài hạn	0.49	0.49	0.0%
Tài sản cố định	140	147	-4.9%
Bất động sản đầu tư	163	164	-0.9%
Tài sản dở dang	2.47	2.16	14.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	132	132	0.0%
Tài sản dài hạn khác	58.4	58.9	-0.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	413	437	-5.6%
Nợ ngắn hạn	397	421	-5.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	293	297	-1.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	70.7	75.6	-6.5%
Nợ dài hạn	15.7	15.5	0.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.1	10.9	1.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	433	431	0.6%
Vốn chủ sở hữu	433	430	0.6%
Vốn điều lệ	192	192	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.52	0.52	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	211	246	249	257	223
Giá vốn hàng bán	192	224	221	235	196
Lợi nhuận gộp	19.6	22.0	27.4	22.5	26.6
Doanh thu HĐTC	0.27	48.7	0.23	2.12	0.55
Chi phí TC	6.68	6.79	5.48	5.93	4.36
Chi phí lãi vay	0	13.2	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.52	0.49	0.41	0.44	0.45
Chi phí QLDN	18.4	21.2	18.9	19.0	19.0
LN thuần từ HĐKD	-5.71	42.2	2.89	-0.71	3.31
Lợi nhuận khác	-0.22	0.19	-0.58	3.83	-0.69
LN trước thuế	-5.93	42.4	2.31	3.12	2.62
Lợi nhuận sau thuế	-5.93	42.4	2.31	3.12	2.62
LNST của CĐ cty mẹ	-5.93	42.4	2.31	3.12	2.62

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.40	24.0	22.6	44.7	43.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.09	41.8	-2.01	-2.79	-1.90
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.68	-66.3	-17.1	-30.7	-4.39
Tiền đầu kỳ	9.86	6.23	5.70	9.21	20.4
Lưu chuyển tiền thuần	-3.64	-0.55	3.51	11.2	37.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.02	0	0.02	0
Tiền cuối kỳ	6.23	5.70	9.21	20.4	57.5

(Nguồn: fireant.vn)